

Bản án số: 446/2024/DS-PT

Ngày: 23 - 8 - 2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng  
chuyển nhượng quyền sử dụng  
đất và yêu cầu hủy hợp đồng thế  
chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Ông Huỳnh Việt Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Hủy di chúc, chia thừa kế theo pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: số E Quốc lộ E, tổ H ấp T, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hữu T – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Nhật T1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: A Quốc lộ E tổ H, ấp T, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hương T2, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: số A ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Thị M, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

3.2. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

3.3. Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

3.4. Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

3.5. Cao Thị Kim T3, sinh năm 1964.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Hương T2, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: số A ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Nguyễn Nhật H2, sinh năm 2004. (Vắng mặt)

3.7. Nguyễn Thị Nhật B, sinh năm 2006. (Vắng mặt)

3.8. Khuất Nguyên Hoài B1, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A Quốc lộ E tổ H, ấp T, xã T, thành phố M, Tiền Giang

3.9. Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1967. (Có mặt)

3.10. Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

3.11. Nguyễn Hữu P1, sinh năm 2000. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số E Quốc lộ E, tổ H ấp T, xã T, thành phố M, Tiền Giang

3.12. UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố M, Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc T5 – Chủ tịch. (Vắng mặt)

3.13. Phòng C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số A H, Phường G, thành phố M, Tiền Giang.

- Người kháng cáo: nguyên đơn Nguyễn Thị H4.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

### Theo án sơ thẩm;

\* Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Cha bà tên Nguyễn Văn P2, sinh năm 1904, chết ngày 01/5/1986; mẹ tên Nguyễn Thị L1, sinh năm 1930, chết ngày 03/01/2013. Cha mẹ bà có 06 người con, gồm: Nguyễn Nhật T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Kim H1, tất cả đều còn sống. Cha chết không có để lại di chúc, tài sản có khoảng 03 công đất ruộng ở ấp B, xã T nhưng thời điểm cha chết đã đưa hết vào hợp tác xã, đến năm 1997 hợp tác xã cho lại canh

tác, xác định theo hộ khẩu nên cho lại khoảng 02 công đất, sau đó mẹ có mua thêm gần 02 công đất ở giáp ranh. Cả gia đình cùng nhau canh tác đất.

Phần đất ở **ấp T**, nguồn gốc là năm 1976 cả gia đình về phần đất của ngoại để cất nhà ở, ổn định đến năm 2000 thì mẹ đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ vào năm 2004 do mẹ đại diện đứng tên. Năm 2004 bà **M** xin cất nhà, sau đó **P**, **H1**, **L** cũng xin mẹ cho cất nhà, đến năm 2008 bà xin mẹ cất nhà ở và được mẹ đồng ý nên bà đã cất nhà ở cho đến nay. Các em **M**, **P**, **H1**, **L** đã tách giấy đất, riêng phần của bà thì ông **T1** yêu cầu bà phải ký sang tên cho ông phần đất ruộng ở **ấp B**, bà không đồng ý nên ông **T1** không ký, vì vậy bà chưa tách giấy đất cho đến khi mẹ chết, sau đó có tranh chấp đến nay.

Di chúc ngày 15/9/2004 của mẹ để lại, theo bà là do ông **Tam I** chứ không phải mẹ lập, vì ông Tam tự làm nên di chúc sai số chứng minh nhân dân (CMND) của mẹ (thiếu số), sai năm chết của cha (năm 1986 mà nêu năm 1979), sai năm mẹ được cấp giấy (năm 1998 mà nêu năm 1992); phần chứng thực của UBND xã cũng ghi sai số CMND của bà **L1**, cho rằng mẹ lập trước mặt nhưng di chúc lập ngày 15/9/2004 mà chứng thực ngày 17/9/2004 như vậy là sai lời chứng thực; mẹ lập di chúc mà bị sai sót trong khi số CMND của ông Tam lại đúng, do đó theo bà do ông **Tam t** đi làm, vì vậy di chúc không hợp pháp, bà yêu cầu không công nhận di chúc.

Sau khi mẹ chết, bà có yêu cầu ông **Tam c** cho bà một phần đất mặt tiền (phần nhà mẹ ở) và phần phía sau phần đất ở **ấp T** A nhưng ông **T1** không đồng ý, nói rằng bà không có phần nào do mẹ đã di chúc hết cho ông **T1**, từ đó bà khởi kiện ra Tòa án **thành phố M**, sau đó xét xử ông **Tam t1** nên bà kháng cáo, Tòa án tỉnh hủy án về giải quyết lại, trong quá trình Tòa án giải quyết thì ông **T1** hứa hẹn sẽ chia đất để đỡ tốn án phí, bà tin lời nên đã rút đơn nhưng ông **T1** không thực hiện nên năm 2021 bà khởi kiện lại.

Năm 2020 **công ty I** và **công ty Đ** đã đo đạc 02 phần đất là đã đúng hiện trạng đất nên bà thống nhất, không có yêu cầu đo đạc lại, đề nghị lấy kết quả đo đạc này để giải quyết vụ án. Việc định giá cũng đã được **Công ty cổ phần G (S1)** định giá tháng 12/2020, bà thống nhất và không yêu cầu định giá lại.

- Hiện nay phần đất ở **ấp B** là thửa 772 diện tích 1.648m<sup>2</sup> và thửa 775 diện tích 2.081m<sup>2</sup> do ông **T1** quản lý sử dụng (chăn nuôi, canh tác), ông **T1** đã đăng ký và được cấp giấy đất theo số thửa mới là 46 và 48 TĐĐ số 17. Bà yêu cầu chia thừa kế làm 06 kỹ phần, bà nhận 01 kỹ phần bằng giá trị. Bà yêu cầu hủy giấy đất cấp cho ông **T1**.

- Phần đất ở **ấp T** A là 02 thửa 314 diện tích theo sơ đồ đo đạc:

T-1, T-2 là nhà ông Tam

T-3, T-4 là nhà của mẹ **Nguyễn Thị L1** (khóa cửa, không ai ở), ông **T1** có cho ông **Trần Ngọc H5** thuê để bán quây thuốc tây một phần ở giáp QL50.

T-5 là đất trống

T-6, T-7, T-12, T-13 là nhà trọ của mẹ, hiện để trống không ai ở.

T-8, T-9, T-10, T-11, T-14 đất trống và có trồng cây, không ai quản lý

T-15, T-16 có nhà của mẹ, hiện bà **M** đang quản lý.

T-17 đất trống, T-18 có nhà bà **H**, T-19 đất trống, T-20 có nhà trọ mẹ nay đã sập nên thành đất trống, hiện bà **H** đang quản lý.

Bà xin chia đất theo hộ làm 03 phần cho mẹ, bà và ông **T1**. Phần của mẹ chia thừa kế theo pháp luật làm 06 kỹ phần. Bà xin nhận phần đất ở vị trí T-3, T-4, T-5, T-17, T-18, T-19, T-20 và ngôi nhà của mẹ gắn liền với phần đất. Nếu giá trị bà nhận nhiều hơn kỹ phần thì bà đồng ý hoàn giá trị cho các thừa kế khác.

\* Bị đơn ông **Nguyễn Nhật T1** trình bày:

Thông nhất về cha mẹ, hàng thừa kế của cha mẹ như bà **H** trình bày.

Tài sản mẹ chết để lại gồm 03 thửa đất như bà **H** trình bày.

Đối với phần đất ở **ấp T A**: Nguồn gốc là của ngoại cho vào năm 1972, mẹ về cất nhà ở (không nói cha biết, sau này hòa bình cha mới biết, gửi ngoại trông coi), sau hòa bình đến năm 1976 thì cả gia đình mới về quê ở trên căn nhà này. Năm 1998 mẹ đã được cấp giấy đất (cấp cho cá nhân ngày 25/5/1998) thửa 38 tờ bản đồ (TBD) 06 diện tích 979m<sup>2</sup>. Năm 2004 cấp đổi lại giấy đất, thành thửa 121 TBD 28 diện tích 910,8m<sup>2</sup>, thời điểm này ông đi bộ đội nên mẹ tự đi cấp đổi, giấy thể hiện cấp cho hộ nhưng mẹ không để ý nên không khiếu nại gì. Sau đó có mở rộng đường nên phần đất của mẹ bị giải tỏa một phần nhỏ, đồng thời cấp đổi lại giấy mới ngày 10/4/2009 gồm 02 giấy : 01 giấy diện tích 184,8m<sup>2</sup> đất ở và 01 giấy diện tích 511,2m<sup>2</sup> gồm 221,4m<sup>2</sup> đất ở và 289,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, cùng số thửa là 314 TBD 28, giấy đất vẫn ghi cấp cho hộ **Nguyễn Thị L1**. Theo ông, phần đất này là đất của cá nhân mẹ chứ không phải của hộ. Do bà **H** cho rằng đất của hộ trong đó có bà **H** nên trong bản tự khai ngày 30/5/2022 ông có ý kiến cấp cho hộ nhưng không có bà **H** do đã cắt chuyển từ năm 2003. Nay ông xác định lại là đất của cá nhân mẹ, ông đề nghị được hưởng theo di chúc của mẹ ngày 15/9/2004. Phần của bà **H** có cất nhà ở phía sau vào năm 2008, lúc đó mẹ còn sống, ông cũng thống nhất nên có cho bà **H** cất nhà, vì vậy ông đồng ý cắt chia cho bà **H** phần bà đã cất nhà ở (phần T-18 có diện tích 104,2m<sup>2</sup>), các em còn lại ông sẽ tự thỏa thuận chia thêm các em.

Đối với 02 thửa đất ở **ấp B**, có nguồn gốc của mẹ tự mua khoảng 1,7 công, sau đó có đưa vào hợp tác xã (HTX), sau này HTX trả lại. Mẹ có đứng ra mua phần đất đổi diện khoảng 2.000m<sup>2</sup> (sau khi cha đã chết), tiền là của ông có được do thu hoạch hoa màu nhưng mẹ nói để mẹ đứng tên, sau này sẽ để hết cho ông nên ông đã thống nhất. Ông xác định hai phần đất này là của mẹ, cấp cho cá nhân mẹ vào ngày 10/6/1997 gồm thửa 772 và thửa 775. Ông được chia theo di chúc của mẹ nên đã đi đăng ký và được cấp giấy hai thửa đất này, nay thửa mới

là thửa 46 và thửa 48. Do đó ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà **H**.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà thống nhất về cha mẹ và hàng thừa kế như bà **H** trình bày. Tài sản mẹ chết để lại là các thửa đất như bà **H** trình bày. Bà rút lại yêu cầu khởi kiện độc lập của bà.

- Phần đất ruộng thửa 772 và 775 ở **ấp B**: thống nhất ý kiến ông **T1**, đất của cá nhân mẹ và mẹ đã di chúc hết cho ông **T1** nên ông **T1** đã đi đăng ký và được cấp giấy đất.

- Phần đất có nhà ở **ấp T A**: công nhận đất là của cá nhân mẹ **Nguyễn Thị L1**, công nhận di chúc là do mẹ tự nguyện có ý chí để lại cho ông **T1**. Nay bà không yêu cầu chia thừa kế mà xin ông **Tam c** cho bà phân giáp nhà của bà là T-15, T-16 và T-17 nhưng để tự thỏa thuận trong anh em.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà L, bà H1, bà P trình bày:* thống nhất về cha mẹ và hàng thừa kế của cha mẹ. Thống nhất lời trình bày của ông **T1** về nguồn gốc đất. Các bà xác định cả hai phần đất là của cá nhân mẹ **Nguyễn Thị L1**, mẹ đã có di chúc cho ông **T1**, đó là ý chí tự nguyện của mẹ nên các bà yêu cầu công nhận di chúc của mẹ.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T3 trình bày:* bà là vợ ông **T1** nên bà thống nhất ý kiến ông **T1**, bà chỉ là dâu nên không có ý kiến gì về tranh chấp của gia đình.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T4 trình bày:* anh là cháu nên cũng không có quyền quyết định, anh thống nhất ý kiến của mẹ là bà **H**.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H3, anh Nguyễn Hữu P1 có đơn xin vắng mặt, thống nhất với các yêu cầu của bà H.*

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nhựt H2, chị Nguyễn Thị Nhựt B và anh Khuất Nguyễn Hoài B1 có đơn xin vắng mặt và trao quyền quyết định cho ông T1.*

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang có đơn xin vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu hủy di chúc do xã chứng thực của nguyên đơn.*

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng C tỉnh Tiền Giang có văn bản nêu ý kiến và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án như sau:* Ngày 22/10/2021 **Phòng C** tỉnh Tiền Giang có tiếp nhận và giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng Văn bản khai nhận di sản theo di chúc số 13/2004 do **UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang** chứng thực ngày 17/9/2004. Về trình tự thủ tục chứng nhận Văn bản khai nhận di sản được Công chứng viên tiếp nhận, giải quyết đúng quy định pháp luật và đã chứng nhận vào sổ công chứng số 6964, quyển số 16/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2021.

**Tại phiên tòa sơ thẩm;** Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình, không thay đổi bổ sung ý kiến.

Tại bản án sơ thẩm số : 100/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 5, 147, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 624,625,626,627,628,630,631,635, 636, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95, 97, 166, 167, 169 của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu: không công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị L1 ngày 15/9/2004; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2022 cho ông Nguyễn Nhật T1 đối với 02 thửa đất ở ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; chia tài sản theo hộ và chia thừa kế theo pháp luật cho bà H.

2. Công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị L1 lập ngày 15/9/2004 có chứng thực của Chủ tịch UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ngày 17/9/2004 là hợp pháp.

3. Ông Nguyễn Nhật T1 được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị L1 lập ngày 15/9/2004 có chứng thực của Chủ tịch UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ngày 17/9/2004.

4. Ghi nhận ông Nguyễn Nhật Tam c1 cho bà Nguyễn Thị H phần diện tích đất 104,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 314 tờ bản đồ số 28 (Vị trí T-18 trong phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 12/12/2020 của Công ty TNHH Đ – có kèm theo bản án).

5. Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Nhật T1 có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập chia thừa kế của bà Nguyễn Thị M.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí dân sự sơ thẩm, giải thích về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 31/8/2023, nguyên đơn Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số: 100/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

***Tại phiên tòa phúc thẩm;***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đại diện ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

\* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phát biểu và đề nghị: Án sơ thẩm cho rằng di chúc của bà L1 lập là hợp pháp vì có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T là chưa đúng vì di chúc có nhiều sai sót về hình thức như sai số chứng minh nhân dân, sai ngày cấp và sai cả ngày công chứng nên di chúc trên là không hợp lệ. Văn bản ngày 04/6/2008 đã xác định tài sản là tài sản chung của vợ chồng bà L1 chưa chia và mẹ là người đang quản lý, thể hiện ý chí của bà L1 đã thay đổi nhưng án sơ thẩm lại công nhận di chúc. Ngày ra thừa đất 121 cấp ngày 09/7/2004 là cấp cho hộ nhưng đến ngày 15/9/2004 bà L1 lại định đoạt di chúc là của cá nhân nên không đúng. Ông T1 và bà M có ý kiến xác định đất tại ấp T là của hộ gia đình. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Hồ sơ cấp sơ thẩm khi giải quyết chưa thu thập đầy đủ vì theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T thì đất đang tranh chấp là do bà L1 đưa vào tập đoàn sau đó hợp tác xã giao trả lại, nhưng án sơ thẩm chưa điều tra làm rõ trả lại là trả cho chủ cũ, hay là thuộc trường hợp cấp lại cho bình quân đầu người trong hộ. Ngoài ra án sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận đối với thửa 38 để làm rõ đất của hộ hay của cá nhân. Đơn thỏa thuận ngày 04/6/2008 đã xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của cụ L1 với cụ P2, ngoài ra cụ phần còn có hai người vợ là bà H6 và bà N và các con nhưng án sơ thẩm chưa điều tra đầy đủ để đưa vào tham gia tố tụng. Do có nhiều sai sót đề nghị hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Kim H1, anh Nguyễn Hoàng T4, anh Nguyễn Hữu P1, anh Nguyễn Nhật H2, chị Nguyễn Thị Nhật B, anh Khuất Nguyễn Hoài B1, UBND xã T, Phòng C tỉnh Tiền Giang có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện trình bày là cha bà tên Nguyễn Văn P2, sinh năm 1904, chết ngày 01/5/1986; mẹ tên Nguyễn Thị L1, sinh năm 1930, chết ngày 03/01/2013, cha mẹ có tài sản khoảng 03 công đất ruộng ở ấp B, xã T nhưng thời điểm cha chết đã đưa hết vào hợp tác xã, đến năm 1997 hợp tác xã cho lại canh tác, xác định theo hộ khẩu nên cho lại khoảng 02 công đất, sau đó mẹ có mua thêm gần 02 công đất ở giáp ranh. Cả gia đình cùng nhau canh tác đất. Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu không công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị L1 ngày 15/9/2004, hủy giấy đất cấp cho ông T1 và chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H cung cấp đơn thỏa thuận xin chia thừa kế tài sản của cha mẹ nay là tài sản chung chưa chia ngày 04/6/2008. Trong nội dung đơn thỏa thuận trên đã thể hiện: Ông Nguyễn Văn P2 chết năm 1986 trước khi chung sống với bà Nguyễn Thị L1 là mẹ nguyên đơn và bị đơn, thì ông P2 có chung sống với hai người vợ trước.

Người vợ thứ nhất là Nguyễn Thị H7, sinh năm 1911 chết năm 2000, quê quán tại số F đường B, phường B, thị xã T, tỉnh Long An. Hai người có tất cả 05 người con gồm: Nguyễn Văn T7 ở Long An (chết năm 1981), Nguyễn Văn L2 ở Mỹ (chết năm 1994), Hồ N Trần ở Mỹ, Nguyễn Thị M chết lúc nhỏ, Nguyễn Thị Hoàng Y ở tỉnh Long An.

Người vợ thứ hai là Võ Thị N1, sinh năm 1924, hiện cư ngụ tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Hai người có tất cả 04 người con gồm: Nguyễn Nhựt T8, Nguyễn Nhựt S, Nguyễn Nhựt H8, Nguyễn Nhựt T9 đều cư ngụ tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Nhưng khi giải quyết cấp sơ thẩm chưa điều tra đầy đủ để đưa đủ những người thừa kế của ông Nguyễn Văn P2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về nội dung:

Tại đơn xin xác nhận ngày 04/7/2007 (bút lục 91,92) Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M đã xác nhận bà Nguyễn Thị L1 có đăng ký đất vườn và thổ cư theo sổ bộ B3 là đúng và đất lúa bà đưa vào Hợp tác xã năm 1978. Ngoài ra tại sổ mục kê ruộng đất theo tài liệu 299 và sổ đăng ký ruộng đất thì thửa 38 diện tích 979m<sup>2</sup> thể hiện là đất thổ cư tập trung. Nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ các phần đất tranh chấp (trừ phần đất bà L1 mua của bà Nguyễn Thị B2 thửa 775 diện tích 2.081m<sup>2</sup>) có phải là tài sản đã có trước năm 1978 lúc này ông P2 còn sống và đưa vào Hợp tác xã, thì sau khi Hợp tác xã trả lại là trả cho chủ cũ, hay là thuộc trường hợp cấp lại cho bình quân đầu người trong hộ. Để có căn cứ xác định đất tranh chấp là đất của hộ hay là tài sản chung của vợ chồng giữa bà L1 với ông P2.

Án sơ thẩm công nhận di chúc cụ Nguyễn Thị L1 lập ngày 15/9/2004, có nội dung là cụ Nguyễn Thị L1 có đúng tên phần đất vườn + thổ cư có tổng diện



tích 979m<sup>2</sup>, được cấp giấy đất năm 1998, đã có chuyển nhượng cho các con một phần, còn lại 594,22m<sup>2</sup>, trên đất có căn nhà bán kiên cố do bản thân cụ tự xây cất và phần đất ruộng có diện tích 3.729m<sup>2</sup> được cấp giấy chứng nhận năm 1997, trong lúc còn sống đối với 02 phần đất trên cụ L1 được quyền định đoạt cho đến khi cụ qua đời thì để lại cho con trai tên Nguyễn Nhật Tam. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà L1 cung cấp đơn thỏa thuận xin chia thừa kế tài sản của cha mẹ nay là tài sản chung chưa chia ngày 04/6/2008. Tại đơn thỏa thuận có chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Thị L1 và chữ ký của 06 người con của bà L1 với ông P2, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Nhật T1 thừa nhận đúng là chữ ký và ghi họ tên là của bà Nguyễn Thị L1. Nội dung của đơn thỏa thuận thể hiện bà L1 và tất cả sáu người con thống nhất diện tích 3.000m<sup>2</sup> đất vườn, căn nhà trên phần đất thổ cư diện tích 910,8m<sup>2</sup> ở ấp T; đất ruộng hai thửa gồm diện tích thửa 1 là 3.700m<sup>2</sup>, thửa 2 diện tích 1.700m<sup>2</sup> ở ấp P, xã T là tài sản của cha mẹ tạo lập trong thời gian chung sống từ năm 1960 đến năm 1986.

Án sơ thẩm chưa điều tra làm rõ mà lại công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị L1 là chưa có căn cứ.

Ngoài ra phần đất vườn và đất ở tại ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang trước đây do cụ Nguyễn Thị L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03287.QSĐĐ/UB do UBND thành phố M cấp ngày 25/5/1998 có diện tích 979m<sup>2</sup> thuộc thửa số 38, tờ bản đồ 06, đến năm 2001 cụ L1 làm đơn cấp đổi sau đó được đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01130/QSĐĐ/1066/QĐ.UB (09/7/2004) diện tích 910,8m<sup>2</sup> thửa 121, tờ bản đồ 28 cho hộ bà Nguyễn Thị L1, nhưng di chúc cụ Nguyễn Thị L1 lập ngày 15/9/2004 lại xác định đất là của cụ Nguyễn Thị L1, án sơ thẩm chưa làm rõ mà lại công nhận di chúc là chưa có căn cứ.

Do án sơ thẩm có nhiều sai sót, cấp phúc thẩm không khắc phục được, để đảm bảo hai cấp xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Do hủy án nên Hội đồng xét xử chưa xem xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[5] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà H Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí : Do hủy án nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**Xử:**

1/ Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 100/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, H9 lại bà Nguyễn Thị H 300.00 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0024235 ngày 07/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 20 phút ngày 23/8/2024 có mặt bà H, đại diện Viện kiểm sát.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Ngọc Tuyền**